

NGHIÊN CỨU ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ĐẢM BẢO DINH DƯỠNG CẤP HỘ GIA ĐÌNH TẠI XÃ ĐIỀM HE, HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN

Nguyễn Thục Huy

(Khoa Kinh tế - Tài Chính, Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

TÓM TẮT

Sản xuất nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng cấp hộ khi mọi thành viên ở mọi thời điểm có quyền tiếp cận đủ lương thực, thực phẩm đảm bảo dinh dưỡng để duy trì cuộc sống năng động, khỏe mạnh và phát triển. Thông qua khảo sát 60 hộ nghèo, 8 cán bộ lãnh đạo địa phương ở 2 thôn của xã Điềm He, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn, nghiên cứu chỉ ra rằng, quy mô diện tích nhỏ, manh mún và trình độ canh tác thấp trên đất dốc làm giảm khả năng tạo lương thực, thực phẩm của hộ nghèo. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện sản xuất nông nghiệp và tiếp cận sử dụng lương thực, thực phẩm đảm bảo dinh dưỡng của hộ nghèo ở xã Điềm He, huyện Văn Quan.

Từ khóa: Đảm bảo dinh dưỡng, hộ nghèo, sản xuất nông nghiệp, xã Điềm He.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Điềm He là xã miền núi, cách trung tâm huyện Văn Quan 12 km về phía Tây. Xã có diện tích đất tự nhiên là 3.327 ha (trong đó: diện tích đất trồng cây hàng năm như lúa, ngô, cây lương thực khác là 774,6 ha, diện tích đất trồng cây lâu năm như cây ăn quả, cây công nghiệp là 685,2 ha, đất rừng tự nhiên là 375 ha, đất rừng trồng là 620 ha, ao nuôi thủy sản 7,2 ha, đất phi nông nghiệp 52 ha) được chia làm nhiều mục đích sử dụng khác nhau. Thành phần dân cư chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số, chất lượng cuộc sống còn thấp, tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo lớn, sản xuất nông nghiệp của các hộ chủ yếu là tự cung, tự cấp. Chính vì vậy, việc đề xuất và triển khai các mô hình nông nghiệp dinh dưỡng nhằm phát huy những lợi thế về mặt điều kiện tự nhiên, xã hội tại địa phương, như: điều kiện đất đai, nguồn lao động là hết sức cấp thiết và có ý nghĩa lớn trong công tác xóa đói giảm nghèo, đảm bảo dinh dưỡng cho người dân địa phương. Kết quả nghiên cứu sẽ cung cấp những luận chứng khoa học và thực tiễn để đề xuất và triển khai các mô hình nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng tại địa phương một cách có hiệu quả, đáp ứng được các mục tiêu đề ra.

2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung nghiên cứu

- Đánh giá tình trạng dinh dưỡng và an ninh lương thực tại địa phương.

- Đánh giá thực trạng sản xuất nông nghiệp của địa phương và hộ gia đình nhóm nghèo, cận nghèo trên địa bàn.

- Đề xuất dự án sản xuất nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng tại địa phương một cách có hiệu quả.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Chọn điểm điều tra, khảo sát

Nghiên cứu lựa chọn 2 thôn của xã Điềm He: Pác Làng và Bản Đin làm điểm nghiên cứu, bởi đây là các thôn có tỷ lệ hộ gia đình nghèo cao và thuộc vùng khó khăn nhất của xã Điềm He, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

2.2.2. Thu thập số liệu

2.2.2.1. Nguồn số liệu thứ cấp

Các thông tin liên quan đến nội dung điều tra, khảo sát đã được công bố trong các báo cáo thống kê, tài liệu trong ngành nông nghiệp, y tế của các cơ quan bộ, ngành, địa phương.

2.2.2.2. Nguồn số liệu sơ cấp

- Khảo sát thực địa: Đi lát cắt để nắm tổng quát, sơ bộ về điều kiện tự nhiên, cơ sở hạ tầng, tình hình sản xuất của 2 thôn đặc biệt khó khăn.

- Phỏng vấn cá nhân: Phỏng vấn theo bảng hỏi, đối tượng: Cán bộ chính quyền, y tế, đoàn thể 2 thôn của xã (4 người); Cán bộ chuyên môn (nông nghiệp) của tỉnh Lạng Sơn, huyện Văn Quan (4 người).

- Phỏng vấn hộ gia đình (60 hộ): Phương pháp thu thập qua phỏng vấn bằng bảng hỏi, phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm.

Thời gian khảo sát: Năm 2021.

2.2.3. Thống kê, xử lý số liệu

Nghiên cứu sử dụng thống kê mô tả qua phần mềm SPSS với các thông tin cơ bản về thực trạng sản xuất nông nghiệp; dinh dưỡng của các hộ; khả năng tiếp cận, ổn định tiêu dùng lương thực, thực phẩm đảm bảo dinh dưỡng.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng sản xuất nông nghiệp và dinh dưỡng của các hộ gia đình

3.1.1. Thực trạng sản xuất nông nghiệp

3.1.1.1. Quy mô và cơ cấu đất đai của hộ gia đình

Phần lớn diện tích đất đai của các hộ gia đình được phỏng vấn là diện tích đất trồng lúa, ngô, sắn, hoa màu khác (chiếm 33,88%), diện tích trồng cây ăn quả (chiếm 25,62%) và đất trồng cây lâm nghiệp (chiếm 36,13%); nuôi trồng thủy sản gần như không đáng kể.

Toàn bộ các sản phẩm nông, lâm nghiệp được sử dụng trong hộ gia đình là để cây mọc tự nhiên và trồng keo đem lại hiệu quả kinh tế thấp, không có sản phẩm bán ra thị trường thường xuyên. Điều này cho thấy sự phụ thuộc của các hộ gia đình với các sản phẩm làm ra, đồng nghĩa với việc không có thu nhập từ hoạt động này thường xuyên.

3.1.1.2. Cơ cấu cây trồng và vật nuôi trong các hộ nghèo

Ở Diêm He, huyện Văn Quan, tình trạng độc canh diễn ra khá phổ biến. 62,5% số hộ điều tra canh tác lúa, ngô số còn lại không tự chủ được lương thực, hoàn toàn phụ thuộc vào lượng thóc/gạo trao đổi từ ngô, sắn, lạc, trái cây hoặc bán các loại nông, lâm sản khác để mua gạo. So với cây lúa, cây ngô giữ vai trò rất quan trọng (15,78% tổng diện tích đất) trong sản xuất của các hộ nghèo, đặc biệt là tại các thôn Pác Làng, Bản Đin, Bản Lái, Nà Bung, Nà Súng...

Ngoài ra, cây ngô và trái cây thực sự đã trở thành sản phẩm hàng hóa và chủ yếu được mang trao đổi để lấy gạo phục vụ tiêu dùng gia đình các hộ gia đình ở các thôn Pác Làng, Bản Đin, Bản Lái, Nà Bung, Nà Súng..., cây keo và một số loại cây lâm nghiệp khác đã trở thành sản phẩm tạo nguồn thu nhập bằng tiền quan trọng cho các hộ gia đình nghèo.

Ngành chăn nuôi chưa thực sự phát triển ở Diêm He, Văn Quan, chỉ có 18,8% và 22,9% các hộ điều tra có chăn nuôi trâu, bò lấy sức kéo, lợn thịt và gà, vịt thịt. Cơ cấu đàn, phương thức kỹ thuật áp dụng trong các hoạt động chăn nuôi giữa các thôn không có sự khác nhau rõ rệt.

Trong điều kiện sản xuất nông nghiệp của các hộ gia đình còn manh mún, nhỏ lẻ, trình độ học vấn và chuyên môn kỹ thuật thấp, lại gặp nhiều rủi ro về kỹ thuật, thời tiết, thị trường và giá cả..., thì tình trạng độc canh càng làm cho các hộ gia đình nghèo có trẻ nhỏ dễ bị tổn thương trước những biến động của của thị trường và môi trường sinh thái. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có

15/60 hộ gia đình nghèo (chiếm 25,0% tổng số hộ điều tra) chỉ trông chờ vào một nguồn thu nhập duy nhất.

Tính chung trong các hộ điều tra, có các hoạt động sản xuất nông nghiệp chủ yếu tạo ra thu nhập cho người dân đó là trồng lúa, ngô, cây ăn quả, cây keo, chăn nuôi bò, lợn thịt, gà, vịt thịt. Đặc biệt, chỉ có 3,5% số hộ có 5 nguồn thu nhập, còn lại số hộ có 3 hoặc 4 nguồn thu nhập chiếm tỷ lệ tương ứng là 28,2% và 17,8%. Như vậy, tình trạng canh tác không linh hoạt, thiếu diện tích đất trồng lúa, ngô, chăn nuôi kém phát triển là những nguyên nhân quan trọng làm giảm khả năng tạo lương thực trong các hộ nghèo ở xã Diêm He, huyện Văn Quan.

3.1.1.3. Thực trạng sản xuất và sử dụng lương thực, thực phẩm của hộ gia đình

Sản xuất nông nghiệp tại các hộ gia đình được khảo sát chủ yếu tập trung vào các đối tượng cây trồng như: lúa, ngô, sắn; trong đó 66,5% sản lượng lúa được sử dụng để phục vụ cuộc sống của các hộ gia đình, không có sản phẩm bán ra thị trường. Tỷ lệ ngô và sắn bán ra thị trường lần lượt là 20,5 và 35,4%, phần còn lại để sử dụng cho các hoạt động chăn nuôi của các hộ.

Hoạt động chăn nuôi của các hộ gia đình tập trung ở các loài gia súc là trâu, bò, lợn; gia cầm là: gà, vịt; thủy sản là cá; trong đó, 100% cá phục vụ cho đời sống của các hộ gia đình, không có sản phẩm bán ra ngoài thị trường. Kết quả này cho thấy, hoạt động chăn nuôi hầu như không mang lại nguồn thu cho các hộ được phỏng vấn.

Nguồn thu nhập khác của các hộ gia đình chủ yếu là đi làm thuê (thu hái nông sản, xây dựng, khuôn vác hàng ở khu vực cửa khẩu...) với tổng thu nhập là 42,5 triệu đồng.

Phương pháp thu hoạch, bảo quản, chế biến lương thực, thực phẩm: 100% các hộ gia đình sử dụng phương pháp phơi khô để bảo quản lương thực; 52,5% các hộ khảo sát sử dụng tủ lạnh để bảo quản thực phẩm, 57,6% các hộ khảo sát dùng phương pháp sấy khô (treo gác bếp) để bảo quản thực phẩm.

3.2. Hiện trạng dinh dưỡng, an ninh thực phẩm của các hộ gia đình

3.2.1. Tình hình dinh dưỡng trẻ em

Tổng số trẻ dưới 2 tuổi của 40 hộ gia đình điều tra: 11 trẻ. Tổng số trẻ 2 - 5 tuổi của 40 hộ gia đình điều tra: 19 trẻ. Tình trạng suy dinh dưỡng của nhóm trẻ dưới 2 tuổi và từ 2 - 5 tuổi trong bảng 1.

Bảng 1. Tỷ lệ suy dinh dưỡng theo các thể ở trẻ em tại các hộ khảo sát

Thể suy dinh dưỡng	Trẻ < 2 tuổi		Trẻ 2 - 5 tuổi	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Suy dinh dưỡng thể thấp còi	8	72,72	6	54,55
Suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	0	0	3	27,27
Suy dinh dưỡng thể gầy còm	3	27,27	2	4,88

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra năm 2021

Bảng 1 cho thấy, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi đối với trẻ dưới 2 tuổi cao nhất với 72,72%; tiếp đến là thể gầy còm 27,27%; thể nhẹ cân không có trường hợp nào. Đối với trẻ dưới 5 tuổi, tỷ lệ trẻ thấp còi cao nhất với 54,55%, tiếp theo là thể nhẹ cân với 27,27%, cuối cùng là thể

gầy còm với 4,88%.

Chỉ số BMI (năng lượng trường điển) trung bình của trẻ dưới 2 tuổi là 18,0; trẻ dưới 5 tuổi là 19,0. Tỷ lệ BMI trung bình của bà mẹ nuôi con nhỏ là 19,5, trong đó tỷ lệ bà mẹ có BMI dưới 18,5 là 17,3%.

3.2.2. Tình hình nuôi dưỡng, chế độ ăn của trẻ nhỏ và chăm sóc phụ nữ mang thai

Bảng 2. Tình hình nuôi dưỡng trẻ nhỏ và chăm sóc phụ nữ mang thai

TT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)
1	Tỷ lệ phụ nữ được khám thai tối thiểu 4 lần trong thời kỳ mang thai	11,3
2	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được bổ sung sắt/vi chất trong thời kỳ mang thai	83,4
3	Tỷ lệ phụ nữ sinh con tại cơ sở y tế	90,6
4	Tỷ lệ trẻ từng được bú mẹ	100,0
5	Tỷ lệ trẻ được bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu	100,0
6	Tỷ lệ trẻ được ăn bổ sung đúng thời điểm (6-8 tháng tuổi)	57,6
7	Tỷ lệ trẻ được chăm sóc tốt khi bị bệnh	100,0
8	Tỷ lệ phụ nữ được hướng dẫn cách chăm sóc trẻ	83,6
9	Tỷ lệ trẻ được ăn đa dạng (ăn tối thiểu 4/7 nhóm kèm theo dầu mỡ của ngày hôm trước)	100,0

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra năm 2021

Nhìn chung phụ nữ thời kỳ mang thai và trẻ nhỏ được chăm sóc tương đối tốt, đặc biệt là tỷ lệ trẻ được ăn đa dạng thức ăn trong ngày vì xã Diêm He có một khu chợ họp theo phiên khá đông đúc - nơi cơ bản thuận lợi mua bán, đảm bảo các nhu cầu cầu về lương thực, thực phẩm, dinh dưỡng cho bữa ăn của các gia đình. Tuy nhiên, tỷ lệ phụ nữ đi khám thai định kỳ và tỷ lệ trẻ được ăn bổ sung đúng thời điểm theo khuyến cáo của ngành y tế đạt khá thấp với lần lượt 11,3% và 57,6% số người được hỏi (Bảng 2).

3.2.3. Dinh dưỡng khẩu phần ăn của hộ gia đình

Phần lớn các hộ chỉ sử dụng các loại thực phẩm rất đơn điệu, do điều kiện kinh tế khó khăn, nông sản tự cung không có thường xuyên. Thông

thường chỉ có 1 đến 2 loại thức ăn trong các bữa ăn chính, rất ít hộ có từ 3 loại thức ăn trở lên trong các bữa ăn.

Trong tổng số 40 hộ được phỏng vấn, có đến 29 hộ có mức tiêu thụ năng lượng dưới 1800 Kcal/ngày, trong đó có đến 4 hộ có mức tiêu thụ năng lượng dưới 1000 Kcal/ngày; có 7 hộ có mức tiêu thụ năng lượng trên 1800 Kcal/ngày, trong đó có 5 hộ có mức năng lượng trên 2200 Kcal/ngày.

3.2.4. Tình hình thiếu an ninh lương thực hộ gia đình

Toàn bộ số hộ được khảo sát đều ở tình trạng mất an ninh lương thực ở mức nhẹ và vừa, không có hộ phải nhịn đói (Bảng 3).

Bảng 3. Các cấp độ mất an ninh lương thực của các hộ gia đình được khảo sát

TT	Thang đo mất an ninh lương thực (ANLT)	Tỷ lệ (%)
1	Tỷ lệ các hộ ở tình trạng mất ANLT mức nhẹ (lo lắng về hết thức ăn)	100,0

TT	Thang đo mất an ninh lương thực (ANLT)	Tỷ lệ (%)
2	Tỷ lệ các hộ gia đình bị ảnh hưởng đến chất lượng và sự đa dạng bữa ăn (tình trạng mất ANLT mức vừa)	100,0
3	Tỷ lệ các hộ phải cắt giảm số lượng, bỏ bữa ăn (tình trạng mất ANLT mức vừa)	18,0
4	Tỷ lệ các hộ đã từng nhịn đói (tình trạng mất ANLT nặng)	0

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra năm 2021

3.2.5. Tình hình cung ứng lương thực, thực phẩm của hộ gia đình

Nguồn lương thực của các hộ gia đình chủ yếu từ hoạt động tự cung tự cấp (tự trồng trọt, chăn nuôi), tuy nhiên tỷ lệ các hộ thiếu ăn (gạo) vẫn ở mức cao. Trong khi đó, nguồn thực phẩm chủ yếu là mua từ thị trường, các hộ gia đình hầu như không tự đáp ứng được từ hoạt động chăn nuôi, trồng trọt.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4.1. Kết luận

Sản xuất nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng cấp hộ, đặc biệt nhóm hộ nghèo ở địa phương thuộc khu vực miền núi được xác định là nội dung trọng tâm trong chính sách ở nhiều quốc gia. Trường hợp nghiên cứu điểm xã Điem He, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn đã chỉ ra rằng, điều kiện canh tác trên đất đồi dốc, xói mòn và ruộng đất manh mún dẫn đến giảm khả năng sản xuất của hộ. Giao thương hàng hóa kém phát triển, nền sản xuất tự cấp tự túc phụ thuộc chủ yếu vào điều kiện tự nhiên tạo ra nguồn thu nhập rất thấp từ hoạt động sản xuất nông nghiệp và dịch vụ.

Bên cạnh đó, việc thiếu hiểu biết, thiếu vốn kỹ thuật nên người dân sử dụng thiếu hiệu quả nguồn hỗ trợ từ các chương trình xóa đói giảm nghèo là một trong những nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng trực tiếp đến tình trạng không đảm bảo dinh dưỡng của hộ nghèo.

4.2. Kiến nghị, đề xuất

Để giải quyết bài toán đảm bảo dinh dưỡng cấp hộ nghèo ở xã Điem He, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn, tác giả đề xuất một số giải pháp sau:

Thứ nhất, cần tập trung vào lựa chọn mô hình sản xuất kết hợp cây, con để tiếp cận, triển khai, phù hợp với điều kiện, phong tục tập quán sản xuất của người dân địa phương.

Thứ hai, cần đa dạng hóa cơ cấu vật nuôi, cây trồng của xã và tạo thu nhập cho hộ nghèo,

cải thiện, nâng cao hiệu quả các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi.

Thứ ba, tăng cường các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật cho các hộ nghèo và các cán bộ kỹ thuật trong cộng đồng:

Một là, cần tổ chức các khoá tập huấn vào từng thời điểm cụ thể, đảm bảo đúng yêu cầu mùa vụ trong trồng trọt và chăn nuôi để giúp người dân có biện pháp can thiệp kịp thời tình hình dịch bệnh của cây trồng và vật nuôi:

- Đối với cây trồng, nội dung tập huấn cần tập trung vào: (i) Kỹ thuật xử lý hạt giống ngô, lúa, bí khi gieo trồng; (ii) Kỹ thuật làm đất, và sử dụng bón phân; (iii) Biện pháp chẩn đoán và quản lý sâu hại trên cây trồng.

- Đối với vật nuôi, nội dung tập huấn cần tập trung vào: (i) Kỹ thuật làm chuồng trại cho chăn nuôi lợn, gà, trâu, bò; (ii) Biện pháp phòng, chống rét cho chăn nuôi lợn, gà, trâu, bò; (iii) Kỹ thuật chuẩn bị, chế biến thức ăn chăn nuôi; (iv) Kỹ thuật chăm sóc lợn giống, lợn sơ sinh; (v) Biện pháp chẩn đoán dịch bệnh cơ bản cho vật nuôi.

Hai là, đối với cán bộ khuyến nông và cán bộ thú y cơ sở, cần có các khóa huấn luyện chuyên sâu về kỹ năng, phương pháp làm việc với nông dân; trau dồi kỹ năng chuyên môn, nghề nghiệp về kiến thức cơ bản trong chăm sóc, phòng, trị dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi.

Ba là, cải thiện hoạt động sau thu hoạch: Hiện nay, việc tiêu thụ sản phẩm như ngô, lạc, sắn của các hộ gia đình chủ yếu được thực hiện ngay tại thời điểm thu hoạch. Việc bán tươi hạn chế khả năng rải vụ trong nông nghiệp, làm tăng tính mùa vụ, tạo thời cơ để các đầu mối thu gom ép giá mua nông sản gây thua thiệt cho người dân. Giải pháp cụ thể là giới thiệu và hỗ trợ công nghệ lò sấy ngô, sắn, lạc nhằm tăng khả năng bảo quản, tránh bị ép giá bán khi thu hoạch. Nội dung hỗ trợ này có thể hướng đến nhóm hộ gia đình nghèo theo

phạm vi thôn bản, hoặc khuyến khích người dân tự đầu tư xây dựng công trình sây nông sản và hỗ trợ gián tiếp vốn đầu tư cho công trình đó.

Bốn là, hỗ trợ cải tạo vườn tạp và cải tạo đất: Chính quyền địa phương cần liên kết với cơ

sở nghiên cứu để xây dựng các mô hình khảo nghiệm cây rau, quả trong vườn của các hộ gia đình nghèo. Đây sẽ là hoạt động hỗ trợ bền vững nhất vừa tạo cơ hội tăng thu nhập và cải thiện chất lượng dinh dưỡng cho trẻ em.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Việt Đăng và cộng sự (2014). An ninh lương thực của các hộ nghèo ở huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Khoa học và phát triển*, 7(12): 21 - 28.
2. Nguyễn Thục Huy và Mai thị Huyền (2021). Sản xuất nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng tại xã Hòa Bình, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Kinh tế và dự báo*, 24(8/2021).
3. Huỳnh Nam Phương và Hoàng Thị Hào (2020). *Xây dựng mô hình nông nghiệp dinh dưỡng của chương trình không còn nạn đói dựa trên câu lạc bộ dinh dưỡng*. Viện Dinh dưỡng Quốc gia.
4. Trang, T. H. N. (2010). Tackling Household Food Insecurity: The Experience of Vietnam. *Asian Journal of Agriculture and Development*, 5(2): 41 - 56.
5. UBND huyện Văn Quan (2020). *Báo cáo tình hình thực hiện Chương trình giảm nghèo huyện Văn Quan*.
6. Viện Dinh dưỡng - UNICEF (2020). *Tình hình dinh dưỡng Việt Nam từ năm 2015 đến 2019*. NXB Y học.

ASSESSMENT OF THE CURRENT SITUATION FOR AGRICULTURAL PRODUCTION IN ENSURING NUTRITION AT HOUSEHOLD LEVEL IN DIEM HE COMMUNE, VAN QUAN DISTRICT, LANG SON PROVINCE

Nguyen Thuc Huy

(Economics - Finance Faculty of Bac Giang Agriculture and Forestry University)

SUMMARY

Agricultural production ensures nutrition at household level, when everyone in household at everytime has the right to access enough nutritious food for maintaining an active, healthy and growing life. Through a survey of 60 poor households and 8 local leaders in 2 hamlets of Diem He commune, Van Quan district, Lang Son province, the study showed that fragmentation, small scale and low level of cultivation on sloping land reduced the ability of food production for poor households. Therefore, basing on the research results, the author proposed solutions to improve agricultural production and access nutritious food of poor households in Diem He commune, Van Quan district.

Keywords: Agricultural production, Diem He commune, ensuring nutrition, poor household.

Người phản biện: PGS.TS. Bùi Bằng Đoàn

Ngày nhận bài: 22/7/2022

Ngày phản biện: 10/9/2022

Ngày quyết định đăng: 21/10/2022